

## QUAN HỆ QUỐC TẾ

# ĐẰNG SAU CUỘC CHIẾN CHỐNG KHỦNG BỐ CỦA MỸ Ở ĐÔNG NAM Á

Phạm Cao Cường

Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

**N**goại trưởng Mỹ Colin L. Powell từng cho rằng: *“Không ai khởi xướng chiến tranh mà không thể hiện rõ ý đồ muốn gì từ cuộc chiến đó cũng như cách thức để đạt được mục đích đó!”*

Sự kiện ngày 11/9 diễn ra tại Mỹ là điểm mốc đánh dấu sự chấm dứt thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh. Một thời đại mới đã bắt đầu: Thời đại khủng bố tấn công trên quy mô toàn cầu. Cũng ngay sau sự kiện đó, một liên minh chống khủng bố quốc tế do Hoa Kỳ đứng đầu đã được xác lập. Hàng loạt các biện pháp đối phó với khủng bố quốc tế từ ngoại giao, hợp tác quốc tế, can dự có tính xây dựng, trừng phạt kinh tế, hoạt động ngầm, các biện pháp an ninh phòng ngừa, dùng vũ lực và đánh đòn phủ đầu đã được chính quyền Bush triển khai để đối phó với mối đe dọa mới này. Chống khủng bố đã trở thành ưu tiên số một trong các hoạt động đối ngoại của chính quyền đương nhiệm.

Sau khi đánh bại chế độ Taliban ở Afghanistan, Mỹ đã chuyển hướng sự chú ý của mình sang các nhóm Hồi giáo cực đoan ở Đông Nam Á, đặc biệt tại các nước Philippines, Indonesia, Malaysia và Singapore, nơi các nhóm Hồi giáo bị quy kết là có mối quan hệ

chặt chẽ với mạng lưới Al Qaeda của trùm khủng bố quốc tế Osama bin Laden. Trong hơn một thập kỷ qua, Al Qaeda đã tìm cách xâm nhập vào khu vực này bằng cách thiết lập các căn cứ địa phương, huấn luyện các thành viên của mạng lưới Đông Nam Á tại Afghanistan, cung cấp tài chính và hợp tác với các nhóm Hồi giáo cực đoan bản địa. Jemaah Islamiyah (JI), một chi nhánh của Al Qaeda tại Đông Nam Á, chính là kẻ đã hỗ trợ cho hai trong số những tên không tặc thực hiện các vụ tấn công khủng bố ngày 11/9 tại Mỹ. Tổ chức này cũng đã công khai nhận trách nhiệm thực hiện các vụ tấn công nhằm vào các mục tiêu của phương Tây tại Đông Nam Á như vụ khủng bố tại đảo Bali, Indonesia (12-10-2002) làm hơn 200 người thiệt mạng trong đó đa phần là người nước ngoài. Tiếp đó là vụ khủng bố nhằm vào khách sạn J.W. Marriott (5-8-2003) tại thủ đô Jakarta và mới đây nhất là vụ khủng bố nhằm vào toà Đại sứ quán Australia tại thủ đô Jakarta (9-11-2004) làm 9 người chết và 182 người khác bị thương.

Để đối phó với mối đe dọa đến từ chủ nghĩa khủng bố Đông Nam Á mà Washington cho là có thể đe dọa tới nền an ninh của nước Mỹ, chính

quyền của Tổng thống Bush đã thúc ép các quốc gia trong khu vực cần phải bắt giữ các tổ chức hoặc cá nhân bị nghi ngờ là khủng bố. Ngoài ra, Mỹ còn gia tăng các hoạt động chia sẻ thông tin tình báo, khôi phục mối quan hệ quân sự với Indonesia, cam kết viện trợ hàng triệu USD cho Indonesia, Philippines và ký một hiệp ước chống khủng bố quốc tế đa phương với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Những hoạt động ráo riết này cho thấy, Mỹ thực sự quan tâm tới công cuộc chống khủng bố tại Đông Nam Á mà mục đích sâu xa của nó không đơn thuần chỉ là chống lại nguy cơ đe dọa đối với nền an ninh nước Mỹ mà xa hơn là những tính toán chiến lược của mình tại khu vực.

### 1. Đông Nam Á trong Chiến lược chống khủng bố của Mỹ

Sau sự kiện 11-9, vấn đề chống khủng bố đã được chính quyền Tổng thống Bush hết sức chú ý và coi đó là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của mình. Với Mỹ, chủ nghĩa khủng bố tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương được coi là mối đe dọa đối với các lợi ích an ninh của nước Mỹ, bao gồm cả phúc lợi và an ninh của công dân Mỹ tại khu vực, an ninh của bạn bè và đồng minh của nước Mỹ. Chủ nghĩa khủng bố đã tạo ra mối đe dọa trực tiếp và ngay lập tức tới xu thế của khu vực là sự ổn định, dân chủ hoá và thịnh vượng<sup>(1)</sup>. Do đó, *Chiến lược quốc gia Chống khủng bố* do Washington công bố hồi tháng 2-2003 đã khẳng định: "Ưu tiên hàng đầu của chúng ta là đập tan và phá huỷ các tổ chức khủng bố trên toàn cầu và tấn công bộ máy chỉ huy của chúng; bộ phận điều khiển, kiểm soát

và thông tin liên lạc; ủng hộ vật chất và cung cấp tài chính. Điều này sẽ làm cho bọn khủng bố mất khả năng lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động khủng bố<sup>(2)</sup>". Trên cơ sở ưu tiên chiến lược toàn cầu mới này, chính sách của Hoa Kỳ là "khuyến khích cộng tác với các đối tác khu vực để thực hiện những nỗ lực có phối hợp nhằm dồn ép, xiết chặt và cô lập bọn khủng bố<sup>(3)</sup>". Chính vì lẽ đó mà sau cuộc chiến tranh Afghanistan, Mỹ đã coi Đông Nam Á là "mặt trận thứ hai" trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của mình<sup>(4)</sup>. Chống khủng bố đã thực sự trở thành một trong những ưu tiên hàng đầu của chính sách đối ngoại Mỹ với Đông Nam Á<sup>(5)</sup>.

Để hình thành liên minh chống khủng bố tại khu vực, Mỹ đã triển khai hàng loạt các hoạt động hợp tác song phương lẫn đa phương với nhiều nước thành viên của ASEAN. Tại Philippines, Mỹ cho triển khai hơn 1.000 quân tới khu vực miền Nam nước này nhằm huấn luyện và hỗ trợ quân đội Philippines chống lại nhóm khởi nghĩa vũ trang Abu Sayyaf. Ngày 20-11-2001, Tổng thống Mỹ tuyên bố sẽ cung cấp cho Philippines khoản viện trợ quân sự 92 triệu USD và 55 triệu USD tiền viện trợ kinh tế dành cho các khu vực có người Hồi giáo sinh sống tại Philippines trong hai năm 2001 và 2002<sup>(6)</sup>. Tổng cộng trong năm 2001 Mỹ viện trợ quân sự cho Philippine 30,08 triệu USD, năm 2002 là 94.5 triệu USD và 2003 là 114,46 triệu USD. Đổi lại, sau ngày 11-9, Philippines cho phép máy bay của Mỹ sử dụng không phận và quân đội Mỹ sử dụng căn cứ không quân Clark và căn cứ hải quân Subic. Tháng 2-2003, Tổng thống Philippines Arroyo và Tổng tư lệnh của Lực lượng vũ trang Philippines (AFP) đã thống

nhất với nhau về giai đoạn 2 của kế hoạch hoạt động quân sự chung giữa Mỹ và Philippines, trong đó nhánh mạnh Mỹ sẽ tiếp tục huấn luyện và hỗ trợ quân sự cho Philippines. Trong chuyến công du chính thức tới Mỹ ngày 19-5-2003 của Tổng thống Gloria Arroyo, Washington cam kết dành cho Philippines một khoản viện trợ mới 65 triệu USD dùng để huấn luyện các tiểu đoàn quân sự của AFP cộng với 30 triệu USD tiền viện trợ kinh tế cho đảo Mindanao. Tháng 10-2003, Washington tuyên bố cho Philippines hưởng quy chế đồng minh chủ chốt của Mỹ ngoài khối NATO<sup>(7)</sup>.

Với Indonesia, nước gánh chịu nhiều thiệt hại nhất do các nhóm khủng bố ở Đông Nam Á gây ra, Washington đã thực thi một chính sách tương đối thận trọng vì đây là quốc gia có dân số Hồi giáo lớn nhất thế giới. Vấn đề Hồi giáo tại Indonesia cũng chính là nhân tố gây ảnh hưởng không nhỏ tới sự hợp tác chống khủng bố giữa Jakarta và Washington. Trong chuyến thăm ngắn ngủi 3 tiếng đồng hồ tới đảo Bali ngày 22-10-2003, Tổng thống Bush và Tổng thống Megawati đã cùng nhau ký bản Tuyên bố chung mà theo đó sẽ “tăng cường mối quan hệ hợp tác song phương trong cuộc chiến chống khủng bố, bao gồm cả việc xây dựng năng lực và chia sẻ thông tin tình báo và đặc biệt là hướng tới mối quan hệ hợp tác quân sự-quân sự giữa hai nước<sup>(8)</sup>. Tổng thống Bush cũng tuyên bố sẽ dành cho Indonesia một gói viện trợ trị giá 157 triệu USD với mục đích nâng cao chất lượng giảng dạy và giảm thiểu những tác động tiêu cực của những trường Hồi giáo tại nước này. Với Thái Lan, nhờ sự giúp đỡ của Cục tình báo Trung ương Mỹ (CIA) mà ngay từ đầu năm 2001, Trung tâm

chống Khủng bố của Thái Lan (CTIC) đã được thành lập với mục tiêu nhằm tạo ra sự phối hợp tốt hơn giữa các cơ quan an ninh Thái Lan. Cho đến nay, đã có khoảng 20 nhân viên CIA tới làm việc tại CTIC. Trong năm 2002, CIA cũng đã cấp cho CTIC một khoản tiền từ 10-15 triệu USD và nhờ sự hỗ trợ này CTIC đã lần ra nơi ở của trùm khủng bố số một Đông Nam Á là Hambali đồng thời bắt được một số thành viên quan trọng của mạng lưới JI. Chính nhờ những nỗ lực không mệt mỏi trong hợp tác chống khủng bố giữa Bangkok và Washington mà Thủ tướng Thaksin Shinawatra đã được Tổng thống Bush hết lời ca ngợi trong cuộc họp Thượng đỉnh giữa hai nước được tổ chức tại Washington hồi tháng 6-2003. Tại cuộc họp này, Tổng thống Mỹ Bush đã chính thức tuyên bố trao cho Thái Lan quy chế đồng minh chủ chốt của Mỹ ngoài khối NATO. Ngoài những nước kể trên, Mỹ còn ký với Singapore hiệp định cho phép các nhân viên hải quan Mỹ được quyền khám xét các tàu chở hàng tại Singapore dự định tới Mỹ hay ký với Malaysia Giác thư (MOU) về chống khủng bố. Tài liệu này sau đó đã trở thành cơ sở để Mỹ và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ký kết Bản tuyên bố chung Mỹ-ASEAN về Hợp tác chống Khủng bố tại Brunei ngày 1-8-2002 với mục tiêu là “ngăn ngừa, phá vỡ và chống lại chủ nghĩa khủng bố quốc tế<sup>(9)</sup>”.

Để thực hiện mục tiêu này, Mỹ đã sử dụng nhiều biện pháp khác nhau như viện trợ quân sự, đào tạo sĩ quan quân đội, tiến hành tập trận chống khủng bố với các nước thành viên ASEAN. Với Philippines, Hoa Kỳ đã giúp nước này xây dựng Chương trình Hỗ trợ An ninh (SA), cung cấp các trang thiết bị quân sự và giúp đỡ

huấn luyện lực lượng chống khủng bố. Chương trình này bao gồm việc huấn luyện tiểu đoàn bộ binh cơ động, đại đội phản ứng cơ động, chiến đấu ban đêm, kết hợp thông tin tình báo, hạ sĩ quan và Tác chiến Quân Dân sự. Trong năm tài chính 2002, chương trình SA đã được Mỹ tài trợ 25 triệu USD. Ngoài ra, Bộ Tư lệnh Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương (USPACOM) còn triển khai Kế hoạch Hỗ trợ Duy trì Tài trợ Quân sự nước ngoài (FMF) để duy trì khả năng cơ động chiến thuật của không quân AFP, bao gồm các máy bay trực thăng UH-1H, máy bay vận tải C-130, xe tải 2 tấn, và máy bay chở nhiên liệu dài 78 feet. Với Thái Lan, Hoa Kỳ đã tổ chức hàng loạt các cuộc tập trận chung chống khủng bố với các quốc gia Đông Nam Á lấy tên là *Hổ mang vàng* (CG). CG-2003 là cuộc tập trận song phương hỗn hợp lần thứ 22 và là lần thứ 4 của chương trình quan sát mở rộng - đưa đợt diễn tập này trở thành sự kiện đa phương quan trọng hàng đầu của USPACOM. Ngoài ra còn có cuộc tập trận *Cổ xe song mã* (Tandem Thrust) với Australia cũng được tổ chức hai năm một lần. Với Singapore, quan hệ giữa hai nước là một trong các mối quan hệ mạnh nhất trong khu vực. Ngoài ra, hàng năm, Mỹ còn tổ chức các cuộc tập trận như *Carat* (là các cuộc tập trận song phương giữa Mỹ và Brunei, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Singapore và Philippines mà chủ yếu tập trung vào các khoa mục chiến đấu của hải quân, hoạt động đổ bộ và giám sát trên không). Ngoài ra còn có cuộc diễn tập "*Banlikatan*" hoặc "*vai kẻ vai*" được thực hiện giữa quân đội Mỹ và quân đội các nước đối tác tại khu vực. Sau biến cố 11-9, Singapore đã cho lực lượng Hoa Kỳ tiếp cận các căn cứ

không quân và hải quân, bắt giữ 31 kẻ tình nghi là khủng bố, phong tỏa tài sản của bọn khủng bố, gia tăng bảo vệ cho tàu biển tại Eo biển Malacca và là quốc gia châu Á đầu tiên triển khai Sáng kiến Côngteno của Hoa Kỳ.

Cho tới nay, Mỹ đã thiết lập được một loạt các mạng lưới an ninh song phương với Philippines, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Singapore và Brunei. Những mạng lưới này đang được Mỹ tập hợp lại dưới chiếc ô an ninh của Mỹ được gọi là ETC (Exercise Team Challenge). Thông qua việc sử dụng ETC, Mỹ đã tiến hành triển khai các cuộc tập trận chung hoặc phối hợp chống khủng bố với không chỉ các quốc gia Đông Nam Á mà còn cả với Australia và New Zealand. ETC đã thực sự trở thành cuộc tập trận chung do Mỹ bảo trợ đứng đầu tại châu Á "nhằm nâng cao khả năng phối hợp hoạt động giữa các lực lượng quân sự có liên quan; kết nối các cuộc tập trận chung hoặc có sự phối hợp hiện nay giữa Bộ tư lệnh Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương với các lực lượng vũ trang của Australia, Philippines, Singapore và Thái Lan"<sup>(10)</sup>. Trong khuôn khổ hợp tác của ETC, cuộc tập trận CARAT (Cooperation Afloat Readiness and Training) được coi là cuộc diễn tập quân sự lớn nhất giúp lính thủy Mỹ có được sự hiểu biết về văn hoá các nước Đông Nam Á trong trường hợp hải quân các nước này được triệu tập phối hợp với nhau trong những hoạt động thực tế<sup>(11)</sup>.

Như vậy, kể từ sau sự kiện 11/9, Mỹ thực sự có ý định "tái can dự" trở lại Đông Nam Á thông qua các hoạt động chống khủng bố. Cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tại Đông Nam Á không đơn thuần chỉ là làm giảm nguy cơ đe dọa đối với nền an ninh của nước Mỹ mà xa hơn đó là những tính toán về

chiến lược của nước này tại khu vực sẽ được đề cập ở phần dưới.

## 2. Ý đồ chiến lược của Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố ở Đông Nam Á

Bài phát biểu điều trần có nhan đề “*Chống khủng bố - Ưu tiên tối cao của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương*” của trợ lý Ngoại trưởng James Kelly ngày 26-3-2003 trước Ủy ban Quan hệ Đối ngoại Thượng viện Mỹ đã khẳng định, cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương không chỉ nhằm mục đích làm ổn định khu vực mà nó còn tác động trực tiếp đến mỗi một mục tiêu trong 5 mục tiêu hàng đầu của Hoa Kỳ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đó là:

- Thúc đẩy và làm sâu sắc thêm nền dân chủ;
- Cải thiện sự phát triển kinh tế bền vững;
- Chống phổ biến hạt nhân và các vũ khí huỷ diệt hàng loạt;
- Chống tội phạm quốc tế trong khu vực; và
- Thúc đẩy các thị trường mở cửa<sup>(12)</sup>.

Đông Nam Á với tư cách là một bộ phận cấu thành quan trọng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương do vậy cũng nằm trong phạm vi điều chỉnh Chiến lược toàn cầu của Mỹ kể từ sau sự kiện 11-9. Ngoài 5 mục tiêu trên, cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tại Đông Nam Á còn có những mục tiêu cụ thể hơn, thể hiện rõ ý đồ của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á đó là: Kiểm chế Trung Quốc, gia tăng các lợi ích của Mỹ tại Đông Nam Á và kiểm soát tuyến giao thông đường biển quan trọng của Biển Đông. Đây thực sự là

những điều mà Hoa Kỳ muốn đạt được khi phát động cuộc chiến chống khủng bố tại khu vực này.

### 2.1. Kiểm chế Trung Quốc

Trong thời gian đầu bước chân vào Nhà Trắng và trước sự kiện 11-9, chính quyền của Tổng thống Bush đã thực thi một chính sách khá cứng rắn đối với Trung Quốc khi coi nước này là “đối thủ cạnh tranh” giành ảnh hưởng với Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong buổi Điều trần trước Ủy ban đối ngoại của Thượng viện Hoa Kỳ ngày 17-1-2001, Ngoại trưởng Mỹ C. Powell đã tuyên bố rằng: “Trung Quốc không phải là một đối tác chiến lược. Trung Quốc cũng không phải là một kẻ thù tất yếu và không thể khoan nhượng. Trung Quốc là một đối thủ cạnh tranh và là một địch thủ tiềm tàng trong khu vực”<sup>(13)</sup>. Nhiều nhà hoạch định chính sách của Mỹ còn coi Trung Quốc là “vấn đề lớn trong chính sách ngoại giao của Mỹ trong thế kỷ 21”<sup>(14)</sup> và Trung Quốc là “một đối thủ cạnh tranh ngang bằng tiềm tàng của Mỹ trong các vấn đề của thế giới”<sup>(15)</sup>. Báo cáo xu hướng toàn cầu 2015 do Hội đồng Tình báo quốc gia soạn thảo cũng đã khẳng định sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ “tạo ra sự bất ổn lớn nhất” ở khu vực Đông và Đông Nam Á<sup>(16)</sup>.

Là quốc gia chiếm tới 68% diện tích và 65% dân số Đông Á, từ năm 1980 đến cuối những năm 1990, GDP của Trung Quốc đã tăng gấp 4 lần, đạt 4,8 nghìn tỷ USD. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế ngoạn mục 9%/năm, Trung Quốc đã thực sự trở thành nền kinh tế lớn thứ năm trên thế giới chỉ trong vòng hai thập kỷ. Nếu cứ phát triển với tốc độ tăng trưởng khoảng 7%/năm, Trung Quốc có khả năng sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế

giới trong khoảng thời gian từ 2020 đến 2030<sup>(17)</sup>. Cùng với sự phát triển về kinh tế, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc cũng gia tăng nhanh chóng. Năm 2001, chi phí ngân sách cho quốc phòng của Trung Quốc là 141 tỷ nhân dân tệ (17 tỷ USD) cao hơn so với mức 121 tỷ nhân dân tệ vào năm 2000<sup>(18)</sup>. Chỉ tính riêng trong tháng 3-2002, chi phí quân sự của nước này đã chiếm tới 17,6% tổng chi tiêu, tương đương khoảng 3 tỷ USD<sup>(19)</sup>. Ngoài ra, Trung Quốc còn cho tăng cường bố trí tên lửa và tập trận quy mô lớn tạo eo biển Đài Loan; đẩy mạnh sự hiện diện quân sự tại Biển Đông; xích lại gần hơn với Nga, đẩy mạnh quan hệ song phương, đa phương với các nước trên thế giới nhằm chống lại thế bao vây của Mỹ. Chính những điều này đã khiến các nhà hoạch định chiến lược Mỹ nghĩ về “mối đe dọa Trung Quốc” và quan hệ Mỹ-Trung do đó đã phải trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm.

Sau sự kiện 11-9, quan hệ Mỹ-Trung đã có những bước chuyển biến đáng kể. Mối đe dọa của chủ nghĩa khủng bố quốc tế đã được Hoa Kỳ đặt lên hàng đầu, thậm chí hơn cả mối đe dọa tiềm tàng đến từ Trung Quốc và Nga. Cả hai nước lúc này đều có cùng lợi ích trong cuộc chiến chống khủng bố và vì vậy có thể trở thành đối chiến lược của nhau trong lĩnh vực này. Trong cuộc hội đàm với Chủ tịch Giang Trạch Dân khi tới Thượng Hải tham dự Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) ngày 18-10-2001, Tổng thống Bush đã khẳng định lại quan điểm rằng “Trung Quốc không phải là một kẻ thù của Mỹ” và “Mỹ mong muốn phát triển mối quan hệ hợp tác mang tính xây dựng với Trung Quốc”. Về phần mình, Chủ tịch Giang Trạch Dân khẳng định rằng: “Hai nước Trung Quốc - Mỹ có

thể thiết lập cơ chế hợp tác chống chủ nghĩa khủng bố trong thời kỳ trung và dài hạn”<sup>(20)</sup>.

Xét một cách toàn diện, việc tham gia vào liên minh chống khủng bố quốc tế của Mỹ sẽ mang lại cho Trung Quốc 3 lợi ích cơ bản. *Thứ nhất*, tham gia vào liên minh chống khủng bố quốc tế sẽ giúp Trung Quốc cải thiện và thắt chặt quan hệ với Mỹ vốn rất quan trọng với Trung Quốc trong việc duy trì ổn định và phát triển kinh tế đất nước. *Thứ hai*, chủ nghĩa khủng bố quốc tế đã thực sự đe dọa tới thương mại và kinh tế toàn cầu. Điều này sẽ cản trở Trung Quốc trong việc tiếp cận tới các thị trường xuất khẩu lớn của thế giới. *Cuối cùng*, việc tham gia liên minh chống khủng bố quốc tế sẽ giúp Trung Quốc giải quyết các nhóm tôn giáo hay những phần tử đòi ly khai trong nước như Phong trào Đông thổ tại nước này.

Với Hoa Kỳ, cuộc chiến chống khủng bố tại Đông Nam Á là một phần trong ý định của Mỹ chống lại điều mà các nhà phân tích an ninh Mỹ gọi là “chủ nghĩa phiêu lưu quân sự Trung Quốc”<sup>(21)</sup> tại khu vực. Trong một công trình nghiên cứu do Trung tâm Nixon xuất bản gần đây, các nhà hoạch định chính sách Mỹ đã chỉ ra rằng, việc Mỹ tăng cường sự hiện diện tại khu vực Đông Nam Á không chỉ nhằm mục đích phát động cuộc chiến chống khủng bố mà còn nhằm mục đích chống lại một nước Trung Quốc đang trỗi dậy<sup>(22)</sup>. Trong báo cáo có tiêu đề: “*Hoa Kỳ và Đông Nam Á: Chương trình nghị sự về chính sách cho Chính quyền mới*”, Hội đồng Đối ngoại Mỹ đã xem xét, đánh giá lại vai trò của Đông Nam Á trong chính sách đối ngoại Mỹ và đi tới lập luận rằng “Trung Quốc đang tạo ra những thách thức đáng kể về kinh tế, chính trị và

quân sự cho nước Mỹ và Đông Nam Á<sup>23)</sup>. Đây là điều mà chính quyền Bush không hề muốn chút nào.

Như vậy sau sự kiện 11-9, thông qua hình thức viện trợ quân sự, thắt chặt và mở rộng quan hệ với các thành viên ASEAN, Mỹ đã tăng dần sự hiện diện của mình tại khu vực nhằm tạo thành một vòng cung liên hoàn ở Đông Nam Trung Quốc, phục vụ cho ý đồ “phong tỏa” Trung Quốc của Mỹ tại Đông Nam Á và xa hơn nữa là khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nước Mỹ khi muốn duy trì vị trí siêu cường trên phạm vi toàn cầu.

## ***2.2. Thúc đẩy lợi ích chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á***

Về mặt địa chiến lược, Đông Nam Á có vị trí hết sức quan trọng nằm trên tuyến đường biển giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Đa số nguồn năng lượng nhập khẩu của Mỹ và Nhật Bản như dầu lửa và khí đốt sản xuất ở khu vực vùng Vịnh, và các hàng hoá xuất khẩu của hai nước này đều đi qua khu vực Đông Nam Á. Với tư cách là một cường quốc quân sự trên thế giới, Hoa Kỳ cần có con đường tự do cho lực lượng quân sự của mình vào khu vực này nhằm đáp ứng các hoạt động đột xuất ở Tây Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Năm 1992, Hoa Kỳ đã cho rút lực lượng quân sự của mình ra khỏi hai căn cứ quan trọng tại Philippines là Clark và Subic. Sau sự kiện 11-9, tình hình Đông Nam Á cũng có nhiều biến động. Về mặt chính trị, Đông Nam Á vẫn ở trong thời kỳ biến động mang tính tổng thể sau cuộc khủng hoảng tiền tệ năm 1997. Nhiều quốc gia xuất hiện

tình trạng chính trị rối ren, chính quyền thay đổi hoặc đang đứng trước cải cách chính trị. Chính trường Philippines, Indonesia liên tiếp biến động, liên tục thay đổi Tổng thống. Khủng hoảng chính trị tại Campuchia, Myanmar cũng liên tục xuất hiện. Bên cạnh đó, thế lực Hồi giáo đã phát triển nhanh chóng và ảnh hưởng càng tăng lên sau sự kiện 11-9. Hoạt động khủng bố và ly khai do một số tổ chức Hồi giáo cực đoan tiến hành đã gây ra mối đe dọa khá lớn đối với sự ổn định xã hội và an ninh khu vực. Ngoài ra, xung quanh khu vực Đông Nam Á đã xuất hiện một số điểm nóng tiềm tàng như Bắc Triều Tiên và Đài Loan. Những điểm nóng này rất có thể mở rộng thành những cuộc xung đột quân sự qui mô lớn, làm tổn hại tới lợi ích chiến lược của Mỹ và buộc Mỹ phải duy trì sự hiện diện của mình tại đây.

Ngoài nhân tố trên, việc các nước khác như Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ đang tăng dần ảnh hưởng và vai trò của mình tại khu vực càng khiến cho Hoa Kỳ lo ngại. Nhật Bản là nước tích cực tham gia vào quá trình hợp tác kinh tế với các nước ASEAN, đồng thời theo đuổi lợi ích chính trị ở khu vực. Trong khi đó, Trung Quốc đã nhất trí thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược với ASEAN, hướng tới hoà bình và ổn định. Ấn Độ ngay từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước đã thi hành chính sách hướng Đông, xích lại gần hơn với các nước Đông Nam Á. Tất những điều này đã khiến Washington thực sự lo ngại sợ mất chân tại khu vực. Cho dù đã có những liên minh quân sự với một số nước ở châu Á như Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc, Philippines và Thái Lan nhưng quả thực những liên minh này vẫn chưa

đủ để đáp ứng những đòi hỏi mới về an ninh đối với Mỹ và do vậy Mỹ cần phải có những mối quan hệ quân sự với các nước còn lại của khu vực. Về lâu về dài, Mỹ cần phải có một khung hợp tác an ninh khu vực kiểu NATO châu Á, nhưng Mỹ đã xây dựng được một cơ chế an ninh 4 cấp ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương với cốt lõi chính là liên minh Washington - Tokyo; cấp hai là cấp an ninh của Mỹ với Australia, Hàn Quốc, Thái Lan và Philippines; cấp ba là quan hệ hợp tác quân sự ngày càng tăng với các nước thân thiện như Singapore, Indonesia; cấp bốn là các mối quan hệ quân sự của Mỹ với các nước khu vực khác. Do vậy, có thể nói, cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tại Đông Nam Á đã tạo cho Mỹ một cơ hội tuyệt vời để gia tăng sự hiện diện của mình tại khu vực.

Về mặt kinh tế, Mỹ là nước có lợi ích lớn ở Đông Nam Á. Khu vực này là điểm đến của các nhà đầu tư Mỹ và là một trong các đối tác thương mại quan trọng của Mỹ. Năm 2001, thương mại hai chiều giữa hai bên đạt 107 tỷ USD và Đông Nam Á được coi là thị trường nước ngoài lớn thứ ba của Mỹ sau Nhật Bản và Liên minh châu Âu (EU)<sup>(24)</sup>. Hiện tại, Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ nhất về thương mại và đầu tư của Mỹ tại Đông Nam Á. Cụ thể, từ năm 1995-2000, nhập khẩu của Trung Quốc từ các nước ASEAN-7 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam) đã tăng 14% từ 9,7 tỷ USD lên tới 20,2 tỷ USD. Mặc dù đầu tư của Trung Quốc vào Đông Nam Á chỉ ở mức khiêm tốn song số dự án đầu tư đã gia tăng đáng kể trong những năm gần đây. Các số liệu chính thức cho thấy, Chính phủ Trung Quốc đã thông qua khoản tăng

đầu tư vào ASEAN từ 72 tỷ USD (năm 1999) lên tới 108 tỷ USD (năm 2000). Con số chính thức còn có thể cao hơn nhiều bởi vì nhiều công ty đã kiểm soát luồng ngoại tệ bằng cách đầu tư thông qua các thực thể ở nước ngoài<sup>(25)</sup>.

Để cạnh tranh với các đối tác khác, Mỹ đã thể hiện sự quan tâm lớn hơn của mình đối với Đông Nam Á thông qua chính sách Tự do hoá thương mại. Mục đích của chính sách này là nhằm nâng cao lòng tin của các nhà đầu tư thông qua việc tạo dựng các cơ hội bình đẳng. Hiện tại, Mỹ đã ký với Singapore Hiệp định Thương mại Tự do với hy vọng sẽ lấy đó làm "mô hình mang tầm cỡ thế giới, làm khuôn mẫu cho các hiệp định trong tương lai tại khu vực, tự do hoá thị trường, thu hút đầu tư với những khả năng thực sự chứ không phải bằng triển vọng không thực tế"<sup>(26)</sup>. Với Việt Nam, Hiệp định Thương mại tự do với Mỹ "sẽ mở ra một thời đại mới về quan hệ kinh tế song phương giữa hai nước và tạo bước đệm cho Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới - WTO). Việc Mỹ tái thành lập Hội đồng thương mại và đầu tư với Philippines và Indonesia sẽ giúp nước này "tái can dự sau một giai đoạn ru ngủ không mấy dễ dàng". Ngoài ra, Mỹ và ASEAN còn thiết lập cơ chế đối thoại về thương mại nhằm mở rộng sự hiện diện về kinh tế tại khu vực. Tất cả những nỗ lực này cho thấy Chiến lược can dự tổng thể của Mỹ vào Đông Nam Á là nhằm thúc đẩy lợi ích của Mỹ tại khu vực<sup>(27)</sup>.

### **2.3. Kiểm soát tuyến đường giao thông ở Biển Đông**

So với các eo biển khác trên thế giới, Malacca có vị trí địa chiến lược quan trọng không chỉ đối với Đông



Nam Á mà còn cả với thế giới. Eo biển này rộng 600 dặm, nằm giữa Indonesia, Malaysia và Singapore và là tuyến đường hàng hải quốc tế thuận lợi nhất cho những tàu xuất phát từ vùng Vịnh muốn tới Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Theo ước tính, hàng năm, có tới hơn 100.000 chuyến tàu chở dầu, container và thương mại đi qua eo biển này với khoảng hơn 3 triệu thùng dầu/ngày<sup>(28)</sup>. Đối với Nhật Bản, 80% lượng dầu nhập khẩu của nước này đến từ Trung Đông đều được chuyên chở qua eo biển Malacca. Với Trung Quốc vào năm 2003, con số này là 78%. Còn theo đánh giá của Bộ Năng lượng Mỹ thì: "Lượng dầu chuyên chở qua eo biển Malacca tới Biển Đông lớn gấp 3 lần lượng dầu đi qua kênh đào Suez, và lớn gấp 15 lần lượng dầu đi qua kênh đào Panama"<sup>(29)</sup>. Chỉ tính riêng năm 1999, đã có hơn 1,3 nghìn tỷ giá trị hàng hoá được vận chuyển qua eo biển Malacca và Lombok, chiếm khoảng một nửa giá trị thương mại thế giới. Với vị trí địa chiến lược quan trọng như vậy, việc đảm bảo an ninh, an toàn cho các hoạt động giao thương tại eo biển Malacca là tối quan trọng đối với an ninh và phát triển của các nước trên thế giới cũng như của khu vực.

Ngoài vị trí địa chiến lược kể trên, eo biển Malacca còn nằm ở khu vực Biển Đông, nơi có nhiều tranh chấp về chủ quyền lãnh hải (như Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Việt Nam) đồng thời đây cũng là nơi tranh chấp về lợi ích của các cường quốc lớn (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và Ấn Độ). Từ thập kỷ 90 của thế kỷ 20 đến nay, Trung Quốc đã đề xuất gác lại tranh chấp và tới tháng 11-2002, Trung Quốc ký với ASEAN "Bộ quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông"

có ý định dựa vào sự tự kiểm chế của các bên để làm dịu xung đột lợi ích và chủ quyền ở biển Đông. Trong khi đó, Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ cũng có ý đồ thâm nhập vào khu vực này. Trong 5 năm gần đây, Mỹ đã cùng các nước Đông Nam Á tiến hành hơn 30 cuộc tập trận, chiếm trên 70% các cuộc tập trận ở châu Á. Nhật Bản và Ấn Độ cũng thường phái quân đến Biển Đông, có ý đồ đưa lực lượng hải quân thâm nhập vào các nước Đông Nam Á, từ đó đạt mục đích chính trị kiểm chế Trung Quốc. Tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông cũng giống như ở eo biển Malacca, thực chất là tranh chấp lợi ích quốc tế.

Riêng đối với Mỹ, eo biển Malacca là một trong năm lợi ích chiến lược của Mỹ tại khu vực Đông Nam Á và điều này dường như không có gì thay đổi trong suốt nhiều thập kỷ qua. Trong báo cáo về Đông Nam Á của của Hội đồng Lực lượng đặc biệt Đối ngoại Mỹ, công bố hồi năm 2001 đã khẳng định: "Chúng ta cần phải duy trì một lối vào tự do và cởi mở đối với các tuyến đường biển tại eo biển Malacca và Lombok, duy trì các điểm nút khác nằm dưới sự bảo đảm về an ninh tại Biển Đông và sự an toàn về hàng hải cho tất cả các bên hữu quan theo luật pháp quốc tế"<sup>(30)</sup>. Trước đây, cho dù Mỹ đã nhận thấy nguy cơ tiềm tàng trong hành động lấn chiếm của Trung Quốc (Báo cáo của Bộ Quốc phòng Mỹ gửi Quốc hội năm 1992) song Mỹ ngại xung đột trực tiếp với Trung Quốc. Thực tế, Mỹ khó kiếm con bài nào có hiệu quả để ép Trung Quốc ngừng chính sách lấn chiếm Biển Đông theo kiểu "gặm nhấm" (creeping occupation) hiện nay. Hơn nữa, tranh chấp hiện nay chưa đe dọa đến lợi ích trực tiếp của Mỹ, hoặc gây

tắc nghẽn lưu thông trên biển, vì vậy phản ứng của Mỹ dừng ở mức trung lập, khuyến khích các bên giải quyết thông qua thương lượng, không tán thành sử dụng vũ lực. Nhưng sau khi Trung Quốc tiến hành xây dựng công trình trên đảo Vành Khăn (nơi tranh chấp chủ quyền giữa Philippines và Trung Quốc), thái độ của Mỹ đã thay đổi. Mỹ coi đây là hành động của Trung Quốc muốn củng cố thế đứng của mình tại khu vực Biển Đông và điều này sẽ tạo ra sự đe dọa về quân sự đối với Mỹ tại Đông Nam Á. Theo các nhà an ninh khu vực, nếu bất kỳ nước nào "đe dọa cấm sự lưu thông tự do về hàng hải dọc theo tuyến đường thông biển quốc tế kể đó thì Mỹ gần như chắc chắn sẽ nhảy vào"<sup>(31)</sup>. Nhưng sau sự kiện 11-9, cách tiếp cận của Mỹ đối với vấn đề Biển Đông đã thay đổi. Trong Báo cáo Quốc phòng 4 năm, Mỹ đã đưa ra cách tiếp cận chiến lược mới thông qua việc xây dựng một hệ thống căn cứ "tạo sự linh hoạt cho quân đội Mỹ tại những khu vực quan trọng của thế giới, đặt trọng tâm vào các căn cứ bổ sung ngoài Tây Âu và Đông Bắc Á"<sup>(32)</sup>.

Sau sự kiện 11-9, tình hình Đông Nam Á đã có nhiều thay đổi. Trên thực tế mạng lưới khủng bố quốc tế Al Qaeda và các chi nhánh của nó tại Đông Nam Á như Jamaah Islalyiah (JI) hay Abu Sayaff (ASG) đã không ít lần dự định tấn công vào địa điểm chiến lược này. Trước đó vào tháng 12/2001, Singapore cũng đã phá vỡ một âm mưu khủng bố của JI dự định tấn công vào các tàu chiến của Mỹ đang trên đường ghé thăm Singapore. Cuối năm 2002, các lực lượng của Mỹ tại Afghanistan đã tìm thấy một băng video quay hoạt động của các tàu hải quân Malaysia. Điều này khiến người

ta liên tưởng tới một âm mưu khủng bố nhằm vào eo biển Malacca của Al Qaeda. Ngày 26-1-2004, JI là kẻ chủ mưu đánh đắm một chiếc phà ở Vịnh Manila làm 116 người thiệt mạng.

Ngoài vấn nạn khủng bố, tình trạng cướp biển tại eo biển Malacca cũng đã khiến nhiều quốc gia Đông Nam Á lo ngại. Theo Cơ quan Hàng hải Quốc tế, số vụ cướp biển tại Malacca và những nước ven vùng biển này đã gia tăng một cách nhanh chóng, chiếm khoảng 1/3 tổng số các vụ cướp biển trên toàn thế giới. Riêng năm 2003, đã có khoảng 189 số vụ cướp biển, tăng 20% và chiếm khoảng 40% tổng số vụ xảy ra trên toàn cầu. Tháng 3-2003, một tàu chở hoá chất của Indonesia đã bị 10 phần tử vũ trang bắt cóc. Sau khi điều khiển chiếc tàu trong khoảng một giờ đồng hồ chạy dọc eo biển, toán cướp này rời tàu mang theo nhiều thiết bị và tài liệu kỹ thuật cướp được. Trong tuần đầu tháng 6-2004, một chiếc tàu kéo và một chiếc xà lan đã mất tích trên đường tới cảng Klang ở Malaysia. Theo các nhà phân tích, nạn cướp biển tăng là do cuộc sống của những thường dân Indonesia trở nên nghèo đói hơn sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997, hoặc bọn phiến quân từ tỉnh Aceh thuộc cực Bắc eo biển này thường lui tới tìm cách kiếm ăn. Chúng có ý định cướp các tàu nhỏ hơn để lấy của cải hoặc bắt giữ các thủy thủ để tống tiền. Có những bọn cướp biển cướp toàn bộ tàu chở dầu và hàng hoá và có thể đã được bọn khủng bố tuyển dụng.

Trước thực trạng này, Bộ trưởng Quốc phòng của Singapore là Teo Chee Hean đã kêu gọi cần thắt chặt an ninh hơn nữa ở eo biển Malacca nhằm ngăn chặn khả năng một cuộc tấn công khủng bố trên biển có thể

làm gián đoạn tuyến đường hàng hải dài 900 km ở đây. Tại Hội nghị An ninh ở Manila, điều phối viên vụ trách chống khủng bố của Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, William Pope cho biết Al Qaeda và đồng minh khu vực JI đã có những kế hoạch tấn công vào các mục tiêu hàng hàng ở khu vực, đặc biệt là tại eo biển Malacca. Chính vì vậy, việc đảo bảo an ninh, an toàn cho eo biển Malacca kể từ sau sự kiện 11-9 là tối cần thiết. Trách nhiệm này không chỉ thuộc về ba nước Malaysia, Indonesia và Singapore mà còn là trách nhiệm của các bên hữu quan và của cộng đồng quốc tế.

Đầu tháng 4-2004, trong buổi điều trần về dự toán ngân sách của Bộ Quốc phòng Mỹ năm 2005, Tư lệnh quân Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Tướng Thomas Fargo đã tiết lộ phương án chống khủng bố mới của Lầu Năm Góc có tên gọi "Sáng kiến an ninh hàng hải khu vực" (RMSI). Theo kế hoạch này, Mỹ sẽ phái lính thủy đánh bộ và lực lượng đặc nhiệm đến eo biển Malacca để phòng ngừa các hoạt động tấn công khủng bố, chống phổ biến vũ khí hủy diệt, buôn lậu ma túy, cướp biển. Tuy nhiên, sáng kiến này đã khiến Malaysia và Indonesia phản đối mạnh mẽ. Cả hai nước này đều quả quyết rằng, an ninh ở eo biển Malacca là thuộc trách nhiệm của các nước ở vùng biển này, và rằng họ có khả năng bảo đảm an ninh mà không cần triển khai lực lượng ngoài khu vực và việc triển khai lực lượng ngoài khu vực thậm chí có thể phản tác dụng bằng cách làm gia tăng các hoạt động khủng bố.

Như vậy, sau sự kiện 11-9, cách tiếp cận của Mỹ đối với vấn đề của Biển Đông đã thay đổi. Việc phát động cuộc chiến chống khủng bố tại

Đông Nam Á đã tạo cho Mỹ cơ hội điều chỉnh để thực hiện cách tiếp cận chiến lược mới của mình, đó là ngăn ngừa xung đột tại Đông Nam Á và củng cố thế đứng của mình tại Biển Đông. Đây được coi là một trong những cánh cửa quan trọng để Mỹ có thể ảnh hưởng tại Đông Nam Á trong tương lai.

### 3. Kết luận

Như vậy, cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động tại Đông Nam Á sau ngày 11-9 đã mang lại cho Mỹ những lợi ích nhất định. Ngoài ý đồ kiểm chế Trung Quốc, nó còn là cơ hội để Mỹ tăng cường lợi ích chiến lược tại Đông Nam Á hay tiến tới việc kiểm soát tuyến giao thông ở khu vực Biển Đông. Việc Mỹ quay trở lại Đông Nam Á ở một khía cạnh nào đó là nhân tố tích cực giúp duy trì hoà bình ổn định và đảm bảo sự cân bằng cán cân quyền lực tại Đông Nam Á. Tuy nhiên, ở khía cạnh khác, sự hiện diện quân sự của Mỹ tại khu vực cũng có thể sẽ châm ngòi cho những bất đồng hoặc căng thẳng giữa các quốc gia thành viên ASEAN (cụ thể như trong vấn đề đảm bảo an ninh ở eo biển Malacca), làm gia tăng tình cảm chống Mỹ hay xa hơn là một cuộc chạy đua vũ trang trong khu vực. Với Việt Nam, cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ tại Đông Nam Á đã làm tăng sự hợp tác nhiều mặt trong quan hệ Mỹ - Việt. Sau biến cố 11-9, không ít các nhà hoạch định chính sách đối ngoại Mỹ đã bày tỏ quan điểm cần phải thúc đẩy sự hợp tác kinh tế và chính trị với Việt Nam. Điều này đã mở ra nhiều cơ hội cho cả hai quốc gia trong việc tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác song phương. Trong

hợp tác chống khủng bố với Mỹ, Việt Nam cần phải có một lập trường đúng đắn, đứng trên lợi ích dân tộc và khu vực cũng như có cái nhìn thấu đáo trong những vấn đề xung đột, tôn giáo nhằm có được hiệu quả cao hơn trong hợp tác với Mỹ, tạo thế cân bằng với các nước khác, đảm bảo hoà bình và ổn định tại khu vực ■

### Chú thích:

1. Keyser, Donald W., Principal Deputy Assistant Secretary for East Asian and Pacific Affairs: "FY 2005 Foreign Assistance Programs in the East Asia and Pacific Region". Remarks Before the Senate Foreign Relations Committee. Washington, D.C. March 2, 2004.
2. The White House, *The National Security Strategy of the United States of America* (Terrorism) (Washington DC: The White House, September 2002). <http://www.whitehouse.gov/nsc/nss3.html>.
3. The White House, *The National Strategy for Combating Terrorism* (Washington DC: The White House, February 2003).
4. John Gershman, "Is Southeast Asia the Second Front?" Foreign Affairs, July/August 2002.
5. Xem Daley, Mathew P., Deputy Assistant Secretary of State for East Asia and the Pacific: "U.S. Counter-Terrorism Policy for East Asia and the Pacific". Testimony before the Subcommittees on Asia and Pacific and on International Terrorism, Non-Proliferation and Human Rights. House of Representatives International Relations Committee. Washington D.C. October 29, 2003.
6. Steven Mufson, "U.S. to Aid Philippines Terrorism War" *Washington Post*, November 21, 2001; "Arroyo's Meeting with Bush at White House, US Economic Package Reported," *GMA 7 Television*, November 21, 2001, translated by FBIS. (According to CRS Report for Congress, Updated November 18, 2003).
7. "Remarks by the President to the Philippines Congress" Manila, Philippines, October 18, 2003. <<http://www.whitehouse.gov>>
8. "Joint Statement Between the United States of America and the Republic of Indonesia." The White House, October 22, 2003.
9. *United States of America-ASEAN Joint Declaration for Cooperation to Combat International Terrorism*, 1/8 2002.
10. "Exercise Team Challenge" <<http://www.apan.info.net/exercises/default.asp>>
11. "Cooperation Afloat Readiness and Training (CARAT)" <<http://www.globalsecurity.org/military/ops/carat.htm>>
12. Xem thêm bài phát biểu điều trần "Chống khủng bố - Ưu tiên tối cao của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương" của trợ lý Ngoại trưởng James Kelly ngày 26-3-2003 trước Ủy ban Quan hệ Đối ngoại Thượng viện Mỹ, Tin tham khảo Chủ nhật 13-4-2003, Thông tấn xã Việt Nam.
13. Statement of Secretary of State Colin L. Powell for the confrontation hearing of the U.S. senate on foreign relation - January 17, 2001.
14. Joseph Grieco, "China and American in a New World Policy" Carolyn W. Pumphrey (ed) *The Rise of China in Asia: Security Implications* (Carlisle, PA: Strategic Studies Institute, 2002), p.21.
15. Marvin C. Ott, "Southeast Asia and the United States: Policy Without Strategy" PACNET Newsletter, No. 21 (Rommel C. Banlaoi, The War on Terrorism in Southeast Asia, p. 70).
16. National Intelligence Council, *Global Trends 2015: A Dialogue About the Future With Non-government Experts* (National Foreign Intelligence Board, NIC 2000-02 December 2000, p. 63 (Rommel C. Balaoi, p. 72).
17. Lê Linh Lan, *Chu kỳ hoà dịu mới trong quan hệ Mỹ - Trung sau sự kiện 11-9: Cơ sở và Triển Vọng*, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế - Số (6) 55, 12-2003, p. 40.
18. Tin tham khảo đặc biệt 9-4-2001, tr. 2-3. (Nguyễn Thiết Sơn, Nước Mỹ năm đầu thế kỷ XXI, tr. 169).
19. Xem the *Annual Report on the Military Power of the People's Republic of China, Report to the Congress Pursuant to the FY2000 National Defense Authorization Act*, <http://defenselink.mil/news/June2000/p06232000p111-00.html>. <Rommel C. Banlaoi, Southeast Asian Perspectives on the Rise of China: Regional Security after 9/11>.
20. Tài liệu tham khảo đặc biệt 5-11-2001.
21. Richard Sokolsky, Angel Rabasa and C.R. Neru, *The Role of Southeast Asia in U.S. Strategy Toward China* (Santa Monica: RAND, 200), p.70. (Prof. Rommel C. Banlaoi, p.70).
22. David Lampton and Richard Daniel Ewing, *U.S.-China Relations in a Post-September 11th World* (Washington DC: The Nixon Center, 2002), p.5.
23. J. Robert Kerrey and Robert A. Manning, *The United States and Southeast Asia: A Policy Agenda for the New Administration* (Report of the Independent Task Force Sponsored by the Council on Foreign Relations, 2001), p. 17.
24. Sokolsky and Rabasa, p.5 (Prof. Rommel C. Banlaoi, p. 78)
25. Philip Courtenay, "China now a major player in ASEAN" (10 October 2002) có tại <<http://publish.gio.gov.tw/FCJ/current/02102562.html>> [truy cập ngày 28 October 2002].
26. John M. Muntsman, Jr., "U.S.-Asia Trade After September 11" (Remarks delivered in Washington, D.C., 29 November 2001).
27. "Security Implications of Change in US Military Presence in Southeast Asia" [www.iips.org/Santos\\_paper.pdf](http://www.iips.org/Santos_paper.pdf) [Truy cập ngày 2/11/02].
28. David Rosenberg, "The Rise of China: Implications for Security Flashpoints and Resource Politics in the South China Sea" in Carolyn W. Pumphrey (ed) *The Rise of China in Asia: Security Implications* (Carlisle, PA: Strategic Studies Institute, 2002) P. 245. (Prof. Rommel C. Banlaoi, p. 80).
29. EIA, "South China Sea Region" có tại <http://www.eia.doe.gov/emeu/cabs/schina.html> [Prof. Rommel C. Balaoi, p. 80].
30. J. Robert Kerrey, Robert A. Manning, *The United States and Southeast Asia: A Policy Agenda for the New Administration*, Report of an Independent Task Force Sponsored by the Council on Foreign Relations, p. 22.
31. James E. Auer and Robyn Lim, "The Maritime Basis of American Security in East Asia", *Naval War College Review*, Vol. 54, No. 1 (Winter 2001), pp. 39-58.
32. DOD, QDR (30 September 2001), p. 26.